

Bản án số: 128/2018/HS-ST
Ngày 30-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh,

Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 114/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Đức H, sinh năm 1987, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn G, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L và bà Trần Thị S; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Bản án số 125 ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 8 năm 2018 đến ngày 23 tháng 8 năm 2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Đăng T sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 ở thôn N, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng nên H thường xuyên đến nhà chị T chơi. H biết chị Thu để xe mô tô biển kiểm soát 15G1-644.28 ở khu vực lán trước cửa nhà, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên bán lấy tiền ăn tiêu. Khoảng 22 giờ ngày 04 tháng 7 năm 2018, H mang theo 01 vạm phá khóa hình chữ T bằng kim loại đến nhà chị T, thấy xe mô tô biển kiểm soát 15G1-64428 của chị T dựng ở lán trước cửa ổ khóa còn cắm chìa, không ai trông coi. H dắt xe ra ngõ rồi nổ máy điều khiển xe đi đến quán internet số 11 Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân. Tại đây, H gặp bạn là anh Vũ Việt D, sinh năm 1983, ở phường L, quận N. Hoàn nói với D chiếc xe trên của H bị mất giấy tờ xe và nhờ D dẫn đi cầm cố xe, D không biết chiếc xe do H trộm cắp mà có nên đã đồng ý. Anh D dẫn H đến quán nước chè của anh Lê Quang H, sinh năm 1970, ở số 239 N, phường K, quận L. Tại đây, H nói với anh H xe của H bị mất giấy tờ xe nên không có giấy tờ xe. Anh H đồng ý cầm cố xe với giá 3.000.000 đồng nhưng không viết giấy tờ cầm cố. H giao xe cho anh H và nhận 3.000.000 đồng, số tiền trên H đã ăn tiêu hết. Đến ngày 19 tháng 7 năm 2018, H gọi điện cho anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1982, ở phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (là bạn H) nói chiếc xe mô tô của H bị mất giấy tờ xe, H đang cầm cố tại quán anh H, nhờ D chuộc xe hộ. Anh D nói lại với anh Nguyễn Đăng T sinh năm 1991, ở thôn Đ, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương việc H có xe mô tô muốn bán để anh T mua lại chiếc xe trên. Anh T và D đến quán của anh H, tại đây anh T đã trả anh H 3.200.000 đồng chuộc lấy xe để sử dụng và trả thêm cho H 400.000 đồng và thỏa thuận 05 ngày sau H làm lại được giấy tờ xe sẽ đến nhà anh T mua lại chiếc xe này. Sau khi mua, anh T đã cho anh rể là Nguyễn Văn T, sinh năm 1960, ở thôn Đ, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương mượn sử dụng. Chị T đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an, đến ngày 03 tháng 10 năm 2018, anh T đã giao nộp lại xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, H đã đến Công an huyện Thủy Nguyên đầu thú khai nhận như trên và còn khai nhận: Khoảng 02 giờ ngày 25 tháng 7 năm 2018, H mang theo 01 vạm phá khóa hình chữ T bằng kim loại đi bộ từ nhà đến nhà anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 ở thôn M, xã Q, huyện T thấy 01 xe ba bánh tự chế để trong sân không có người trông coi, H đi vào sân dắt xe ra ngoài đường rồi phá khóa nổ máy xe đi sang khu vực ngã tư Lê Lai - Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng bán cho một người đàn ông tên N (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) với giá 700.000 đồng.

Tại các bản Kết luận định giá tài sản ngày 17 tháng 8 năm 2018 và ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15G1-64428 có trị giá 13.000.000 đồng; 01 xe mô tô ba bánh tự chế có trị giá 1.600.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho chị T sử dụng. Chiếc xe mô tô ba bánh tự chế của anh T, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm tang vật, hiện chưa thu giữ được.

Vật chứng vụ án gồm: 01 văm phá khóa hình chữ T bằng kim loại đường kính 0,5 cm, chiều dài tay công 12cm, 01 thanh kim loại đường kính 0,8 cm, dài 06 cm một đầu dẹt, một đầu hình lục năng để nối với tay công.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì. Anh Nguyễn Đăng T yêu cầu H bồi thường số tiền 3.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn T không yêu cầu H bồi thường.

Bà Kiểm sát viên và bị cáo đồng ý với nội dung Kết luận định giá tài sản không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bản Cáo trạng số 123/2018/CT-VKS ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố Bùi Đức H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù; không phạt tiền bị cáo; áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu tiêu hủy 01 văm phá khóa hình chữ T bằng kim loại đường kính 0,5 cm, chiều dài tay công 12cm, 01 thanh kim loại đường kính 0,8 cm, dài 06 cm một đầu dẹt, một đầu hình lục năng để nối với tay công; tịch thu của bị cáo số tiền 700.000 đồng để nộp sung quỹ Nhà nước; về dân sự, bị cáo phải bồi thường cho anh T 3.600.000 đồng; bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Bị cáo Bùi Đức H đã lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu tài sản, có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại trị giá 14.600.000 đồng là phạm tội Trộm cắp tài sản; tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội bị loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội

của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng trước đó đã bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản mặc dù đã được xóa án tích nhưng chứng tỏ nhân thân xấu; bị cáo gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú là tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

[4] Về hình phạt: Với phân tích trên, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo mức án bằng mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng: 01 vạm phá khóa hình chữ T bằng kim loại đường kính 0,5cm, chiều dài tay công 12cm, 01 thanh kim loại đường kính 0,8cm, dài 06cm một đầu dẹt, một đầu hình lục năng để nối với tay công là công cụ bị cáo dùng thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; số tiền 700.000 đồng bị cáo bán xe ba bánh tự chế của anh T mà có, anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước.

[6] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Chiếc xe máy đã được thu hồi trả lại cho chị T, chị T không yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên không xét; Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xét; bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Đăng T 3.600.000 đồng. Anh H nhận cầm cố xe mô tô nhưng không biết tài sản trên cho H trộm cắp mà có, anh H không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên Công an huyện Thủy Nguyên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh H là phù hợp pháp luật. Anh T mua xe mô tô của H, anh Vũ Việt D dẫn H đi cầm cố xe, anh D dẫn T đi mua xe nhưng đều không biết tài sản trên do H trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp pháp luật. Người đàn ông tên N có hành vi mua xe mô tô ba bánh tự chế do H trộm cắp của anh T, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra để xử lý sau là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường cho anh T theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt: Bùi Đức H 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 17/8/2018.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, bị cáo Bùi Đức H phải bồi thường cho anh Nguyễn Đăng T số tiền 3.600.000 (Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa hình chữ T bằng kim loại đường kính 0,5cm, tay cầm dài 12cm và 01 thanh kim loại đường kính 0,8cm, dài 06 cm một đầu dẹt, một đầu lục năng đã qua sử dụng (Chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên); truy thu của bị cáo Bùi Đức H số tiền 700.000 đồng để nộp sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Bùi Đức H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLVN liên quan đến vụ án;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHSCA huyện Thủy Nguyên;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

